TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 10 - 2018
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai, Phó Chủ tịch Hội nông dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Đặng Thị Vui, Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận tổ quốc phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169A/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị M**; sinh năm 19…; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: …, phường P, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên toà, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Trung K** sinh năm 19…; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: …, phường P, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Vũ Thị M và anh Hoàng Trung K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 17/9/1999 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình anh K. Năm 2008, chị M đi lao động ở Tiệp Khắc (cũ), đến năm 2010 chị M về Nước. Do mâu thuẫn và bất đồng quan điểm, hai vợ chồng sống ly thân từ đó. Chị M về nhà bố mẹ đẻ sinh sống

Về con chung: Chị M và anh K có 02 (hai) con chung là Hoàng Vũ L, sinh ngày ..... (đã thành niên) và Hoàng Mai H, sinh ngày ....., hiện cả hai con vẫn đang sinh sống cùng anh K.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị M: Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao con chung Hoàng Mai H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, do thời gian chị đi lao động ở nước ngoài nên có thu nhập (để dành tiền) để nuôi dưỡng con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh K: Anh và chị M có đăng ký kết hôn, chung sống với nhau và có con chung như chị M trình bày là đúng. Năm 2007 chị M đi lao động nước ngoài, đến năm 2009 chị M mới về. Sau đó chị M lại đi tiếp đến năm 2018 lại về. Do hai vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm với nhau nữa, anh cũng đồng ý ly hôn chị M. Về con chung: Anh đề nghị Toà án giao con chung Hoàng Mai H cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của con chung (chưa thành niên): Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, cháu Hoàng Mai H cho biết quan điểm: Cháu muốn bố mẹ về đoàn tụ cùng nhau. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Toà án đã tiến hành hoà giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành do anh K không đến trụ sở Toà án để tham gia hoà giải.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, ông Nguyễn Văn T - Tổ trưởng ...phường P, thành phố B cung cấp: Khoảng hơn 10 năm trước, chị M và anh K kết hôn và về chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh K tại phường P, thành phố B. Sau đó, chị M ra ngoài làm kinh tế và không quay về, hai vợ chồng sống ly thân từ đó. Hai con chung vẫn đang sinh sống cùng anh K. Hiện tại anh K làm nghề lái xe, còn chị M làm gì địa phương không nắm được. Biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; Giao con chung (Hoàng Mai H) cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn có mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung**:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Hoàng Trung K có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hai vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm nay. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế, phù hợp nguyện vọng của hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị M và anh K có 02 con chung đang sinh sống cùng bố. Con lớn là con trai đã trên 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ, có quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Con thứ hai là con gái cũng đã trên 16 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con của các bên và sự phát triển bình thường về tâm lý, ý thức của con, Hội đồng xét xử giao con cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con gái cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56,

các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Vũ Thị M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Hoàng Trung K.

2. Về nuôi dưỡng con chung:

2.1. Giao con chung Hoàng Mai H, sinh ngày 30/9/2002 cho chị Vũ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Hoàng Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Anh Hoàng Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh K lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh K.

2.4. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000438 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Anh Hoàng Trung K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Vũ Thị M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND P. P,
TP. B, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- THADS TP. B;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm